

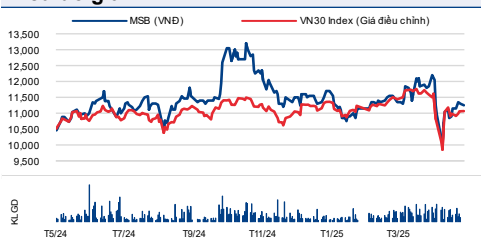
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ15,300

Tiềm năng tăng/giảm: 36.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (28/4/2025)	11,250
Mã Bloomberg	MSB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	10,000-13,200
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	11,300
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	29,250
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,125
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,600
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	780
Slg CP NN được mua (tr.đv)	64.7
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	27.5%
Tỷ lệ freefloat	74.1%
Cổ đông lớn	VNPT (6.05%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá

Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	320,177	369,983	420,125
Dư nợ cho vay (ntđ)	178,278	210,530	248,587
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	14,217	16,153	17,674
Lợi nhuận thuần (ntđ)	5,518	6,093	5,905
BVPS (đồng)	14,161	16,504	18,775
EPS (đồng)	2,122	2,343	2,271
DPS (đồng)	0	0	0
T.trưởng cho vay KH (%)	19.5	18.1	18.1
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	16.0	13.6	9.42
Tăng trưởng EPS (%)	18.4	10.4	(3.08)
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0
ROAE (%)	16.2	15.3	12.9
ROAA (%)	1.88	1.77	1.49
Tỷ lệ NIM (%)	3.64	3.44	3.58
Tỷ lệ CIR (%)	36.8	38.6	41.7
Hệ số CAR (%)	13.6	12.8	12.8
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.65	2.40	2.30
LLR/nợ xấu (%)	64.4	63.0	66.3
Hệ số LDR (%)	115	111	111
P/B (lần)	0.79	0.68	0.60
P/E (lần)	5.30	4.80	4.95
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam là ngân hàng tư nhân quy mô vừa và nhỏ tại Việt Nam, tập trung vào mảng bất động sản và cho vay mua nhà.

Chuyên viên phân tích**Nguyễn Bảo Ngọc**

Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q1/2025 tăng 6,6%, thấp hơn một chút so với dự báo

- LNTT Q1 tăng 6,6% chủ yếu nhờ chi phí dự phòng giảm xuống, hoàn thành 21% dự báo cả năm và thấp hơn một chút so với dự báo Q1 của chúng tôi.
- Tín dụng tăng trưởng mạnh đạt 9% so với đầu năm. Tuy nhiên, tỷ lệ NIM thấp hơn dự báo với tỷ lệ NIM cốt lõi giảm 13 điểm cơ bản so với quý trước xuống 3,27%. Thu nhập phí tăng mạnh 39% so với cùng kỳ nhờ phí khác tăng lên.
- Chất lượng tài sản vẫn ổn định với tỷ lệ nợ xấu giảm nhẹ so với quý trước xuống 2,6% chủ yếu nhờ nợ xấu mới hình thành giảm. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR giảm 4 điểm phần trăm so với quý trước xuống 60%.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2025 vào ngày 28/4/2025

MSB đã công bố BCTC Q1/2025 với LNTT đạt 1,6 nghìn tỷ đồng, tăng nhẹ 6,6% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ chi phí dự phòng giảm xuống. Kết quả này thấp hơn một chút so với dự báo Q1 và hoàn thành 21% dự báo cả năm của chúng tôi.

Tín dụng tăng trưởng mạnh 9% so với đầu năm

Tín dụng tăng trưởng mạnh đạt 8,9% so với đầu năm, cao hơn đáng kể so với bình quân ngành ở mức 3,9% và vượt dự báo của chúng tôi. Tuy nhiên, trong quá khứ, MSB cũng có xu hướng tăng trưởng tín dụng mạnh tương tự trong Q1:

- Tín dụng Ngân hàng mẹ tăng 8,9% trong khi tín dụng của công ty con tài chính tiêu dùng TNEX Finance tăng 3,2%.
- Theo phân khúc, phân khúc khách hàng doanh nghiệp dẫn dắt tăng trưởng (tăng 10,9%) trong khi phân khúc bán lẻ tăng nhẹ 3,5%.
- Cơ cấu theo ngành, động lực tăng trưởng lớn nhất là cho vay các công ty tài chính và chứng khoán (tăng 69,3%; chiếm 5% dư nợ cho vay), đóng góp khoảng một phần tư vào tăng trưởng tín dụng. Cho vay ngành FMCG và BĐS cũng đóng góp đáng kể, tăng lần lượt 12,9% và 9,8%.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 5/5.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD, MSB

LNTT Q1/2025 tăng 6,6% so với cùng kỳ, chỉ hoàn thành 21% dự báo cả năm của HSC

Tỷ đồng	Q1/24	Q1/25	% so với cùng kỳ	HSCF	%HSCF
Thu nhập lãi thuần	2,365	2,504	5.9%	11,485	21.8%
Thu nhập ngoài lãi	753	754	0.2%	4,668	16.2%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	300	417	39.0%	1,651	25.3%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	592	255	-56.9%	1,252	20.4%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	16	-11	-170.6%	363	-3.1%
Thu nhập khác	-155	93		1,402	6.7%
Tổng thu nhập HĐ	3,118	3,258	4.5%	16,153	20.2%
Chi phí HĐ	-1,048	-1,234	17.8%	-6,237	19.8%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	2,070	2,024	-2.2%	9,916	20.4%
Chi phí dự phòng	-540	-393	-27.2%	-2,300	17.1%
LNTT	1,530	1,631	6.6%	7,616	21.4%
Lợi nhuận thuần	1,194	1,266	6.0%	6,093	20.8%

Nguồn: MSB, HSC

Tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá tăng chậm hơn ở mức 5,2% trong Q1/2025, trong đó tiền gửi & giấy tờ có giá tăng lần lượt 5,4% và 3,2%. Theo đó, hệ số LDR điều chỉnh tăng lên 104% từ 100,4% tại thời điểm cuối năm 2024. Hệ số LDR điều chỉnh nhìn chung sát bình quân 3 năm nhưng vẫn thấp hơn mức đỉnh 107,8% trong Q1/2024, cho thấy thanh khoản vẫn được kiểm soát. Chúng tôi cho rằng MSB duy trì hệ số LDR ở mức cao để hỗ trợ tỷ lệ NIM, phù hợp với xu hướng của Ngân hàng trong quá khứ (đầu tiên nâng cao hệ số LDR sau đó giữ vững ở mức trên 100% một chút kể từ năm 2022).

Tỷ lệ NIM cốt lõi giảm 11 điểm cơ bản so với quý trước

Tỷ lệ NIM giảm xuống 3,27% trong Q1/2025, giảm 38 điểm cơ bản so với cùng kỳ và giảm 91 điểm cơ bản so với quý trước. Tuy nhiên, so với tỷ lệ NIM cốt lõi, mức giảm nhẹ hơn chỉ giảm 11 điểm cơ bản so với quý trước. Lưu ý rằng thu nhập lãi Q4/2024 bao gồm khoảng 600 tỷ đồng thu nhập từ thu hồi nợ xấu, từ đó làm tăng tỷ lệ NIM.

Tỷ lệ NIM cốt lõi sụt giảm chủ yếu do chi phí huy động tăng 13 điểm cơ bản do lãi suất liên ngân hàng liên tục ở mức cao. Lợi suất tài sản tốt hơn so với ngành, gần như đi ngang so với quý trước. Lợi suất cho vay của MSB tăng 36 điểm cơ bản so với quý trước lên 8,43%, trái ngược với xu hướng ngành. Tuy nhiên, tỷ lệ NIM cốt lõi vẫn thấp hơn so với dự báo của chúng tôi.

Tỷ lệ nợ xấu vẫn ổn định

Chất lượng tài sản vẫn ổn định với tỷ lệ nợ xấu giảm nhẹ so với quý trước xuống 2,6% từ 2,7% tại thời điểm cuối năm 2024. Chi phí dự phòng giảm 27,2% so với cùng kỳ nhờ tỷ lệ nợ xấu mới hình thành giảm xuống 1,6% từ 2,5% năm ngoái.

Lãi thuần HĐ dịch vụ tăng lên, lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối giảm xuống

Nhìn chung, thu nhập ngoài lãi khiêm tốn, đi ngang so với quý trước, với kết quả trái chiều từ thu nhập phí và HĐ kinh doanh nguồn vốn.

Lãi thuần HĐ dịch vụ tăng mạnh 39% so với cùng kỳ nhờ thu nhập phí tăng 34% và tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện nhẹ - từ 75% trong Q1/2024 lên 78% trong Q1/2025. Kết quả này là nhờ thu phí khác - chúng tôi cho rằng khoản thu nhập này có thể liên quan đến hoạt động cấp tín dụng. Thông tin chi tiết về cơ cấu thu nhập phí dự kiến sẽ được công bố trong cuộc họp với các chuyên viên phân tích sắp tới.

Lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối giảm 57% so với cùng kỳ nhưng tăng 21,5% so với quý trước. Lợi nhuận sụt giảm so với cùng kỳ chủ yếu do mức nền cao nhưng cho thấy xu hướng cải thiện nhẹ qua các quý. HĐ mua bán trái phiếu lỗ nhẹ và không đạt dự báo của chúng tôi là tăng nhẹ.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn

KQKD Q1 thấp hơn một chút so với dự báo của chúng tôi do tỷ lệ NIM và thu nhập HĐ kinh doanh nguồn vốn thấp hơn dự báo. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	18,951	18,681	22,118	26,246	31,357
Chi phí lãi	(9,763)	(8,439)	(10,633)	(12,661)	(15,331)
Thu nhập lãi thuần	9,189	10,242	11,485	13,586	16,025
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,597	1,353	1,651	1,901	2,244
Lãi thuần HĐ KDNH	1,072	1,056	1,252	1,383	1,360
Lãi/lỗ từ mua bán CK	499	273	363	372	427
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	1.63	0	0	0	0
Thu nhập khác	(99.5)	1,292	1,402	433	457
Tổng thu nhập HĐ	12,259	14,217	16,153	17,674	20,512
Chi phí HĐ	(4,812)	(5,230)	(6,237)	(7,375)	(8,702)
LN trước dự phòng	7,447	8,987	9,916	10,300	11,810
Chi phí dự phòng	(1,617)	(2,084)	(2,300)	(2,918)	(3,728)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	5,830	6,903	7,616	7,382	8,081
Chi phí thuế TNDN	(1,186)	(1,384)	(1,523)	(1,476)	(1,616)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	4,644	5,518	6,093	5,905	6,465
EPS (đồng)	1,793	2,122	2,343	2,271	2,487
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,591	2,600	2,600	2,600	2,600
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	940	1,203	1,691	1,989	2,348
Tiền gửi tại NHNN	4,589	5,495	3,806	4,475	5,283
Tiền gửi tại các TCTD khác	61,150	60,965	63,781	60,632	69,000
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	146,783	175,239	207,349	244,795	289,302
Tổng dư nợ cho vay	149,145	178,278	210,530	248,587	293,495
Dự phòng rủi ro	(2,363)	(3,039)	(3,181)	(3,793)	(4,193)
Chứng khoán đầu tư	37,880	65,569	79,099	87,880	103,598
CK đầu tư sẵn sàng để bán	37,897	65,604	79,129	87,906	103,623
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(17.1)	(35.0)	(29.9)	(25.8)	(25.8)
Đầu tư dài hạn	10.0	12.0	12.0	12.0	12.0
Tài sản cố định	403	433	433	411	391
Tài sản khác	15,252	11,261	13,812	19,932	23,525
Tổng tài sản	267,006	320,177	369,983	420,125	493,458
Nợ phải trả	235,708	283,359	327,073	371,309	438,177
Tiền gửi của NHNN	1,013	9,204	2,855	2,238	2,642
Tiền gửi của các TCTD khác	85,554	92,219	105,715	112,269	132,478
Tổng tiền gửi KH	132,350	154,612	190,287	223,729	264,146
Trái phiếu và CCTG	8,991	21,211	21,143	24,859	29,350
Nợ khác	7,537	5,384	6,343	7,485	8,832
Vốn chủ sở hữu	31,298	36,817	42,910	48,815	55,281
Vốn điều lệ	20,000	26,000	26,000	26,000	26,000
Thặng dư vốn cổ phần	33.5	33.0	33.0	33.0	33.0
Lợi nhuận giữ lại	8,674	7,495	12,892	17,883	23,462
Quỹ & vốn khác của CSH	2,591	3,289	3,986	4,900	5,785
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	267,006	320,177	369,983	420,125	493,458
BVPS (đồng)	12,038	14,161	16,504	18,775	21,262

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	25.5	19.9	15.6	13.6	17.5
Tăng trưởng cho vay KH (%)	23.6	19.5	18.1	18.1	18.1
Tăng trưởng huy động KH (%)	13.0	16.8	23.1	17.6	18.1
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	9.81	24.4	20.3	17.6	18.1
Tăng trưởng VCSH (%)	17.4	17.6	16.5	13.8	13.2
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	10.4	11.5	12.1	18.3	18.0
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	8.68	8.68	19.2	18.2	18.0
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	18.8	20.7	10.3	3.87	14.7
Tăng trưởng LNTT (%)	0.74	18.4	10.3	(3.08)	9.48
Tăng trưởng LN thuần (%)	0.61	18.8	10.4	(3.08)	9.48

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.11	4.84	4.68	4.47	4.49
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(2.01)	(1.78)	(1.81)	(1.87)	(1.91)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	93.4	95.9	96.7	96.0	95.6
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.94	2.13	2.40	2.59	2.98
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	17.7	21.2	23.4	22.7	24.9

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	6.28	5.30	4.80	4.95	4.52
P/B (lần)	0.93	0.79	0.68	0.60	0.53
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	37.9	38.8	37.7	33.4	31.5
ROAA (%)	1.94	1.88	1.77	1.49	1.42
ROAE (%)	16.0	16.2	15.3	12.9	12.4
Chi phí huy động BQ (%)	4.79	3.34	3.56	3.71	3.87
Lợi suất góp BQ (%)	8.46	6.63	6.63	6.92	7.18
Lợi suất thuần (%)	3.68	3.29	3.07	3.21	3.31
Tỷ lệ NIM (%)	4.10	3.64	3.44	3.58	3.67
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	13.0	9.52	10.2	10.8	10.9
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	75.0	72.0	71.1	76.9	78.1
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	12.0	18.4	18.7	12.4	10.9
Tỷ lệ CIR (%)	39.3	36.8	38.6	41.7	42.4
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.8	13.6	12.8	12.8	12.4
VCSH/Tổng TS (%)	11.7	11.5	11.6	11.6	11.2
Đòn bẩy vốn (lần)	8.53	8.70	8.62	8.61	8.93

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.87	2.65	2.40	2.30	2.00
Hệ số LLR (%)	55.2	64.4	63.0	66.3	71.4

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	113	115	111	111	111
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	37.7	34.4	33.3	31.1	31.1
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	55.9	55.7	56.9	59.2	59.5

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	263	260	260	260	260
Số lượng nhân viên	6,317	6,678	6,744	6,811	6,879

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn